

Số: 22

Ngày 12/6/2023

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Một số nội dung văn bản mới trong Bản tin văn bản pháp luật số 22:

Công điện số 517/CD-TTg về việc bảo đảm cung ứng điện mùa khô năm 2023 đặt ra yêu cầu tuyệt đối không để xảy ra thiếu điện cũng như lưu ý các giải pháp cụ thể khắc phục các khó khăn về cung ứng điện.

Chỉ thị số 19/CT-TTg về đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã nêu rõ yêu cầu: Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; khẩn trương, quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số.

Chỉ thị số 20/CT-TTg yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp và các tổ chức đoàn thể - xã hội thực hiện tiết kiệm điện tại cơ quan, công sở; đảm bảo hằng năm tối thiểu tiết kiệm 5,0% tổng điện năng tiêu thụ trong năm.

Về dự thảo chính sách, Bản tin xin giới thiệu các nội dung chính của dự thảo Nghị định quy định về bảo hiểm xã hội tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động.

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI CÓ THỂ BỊ TẠM ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG 1 THÁNG, 3 THÁNG

Ngày 08/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định 30/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 139/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới quy định: Đơn vị đăng kiểm bị tạm đình chỉ hoạt động từ 01 đến 3 tháng nếu vi phạm một trong các trường hợp sau: Không bảo đảm một trong các điều kiện, yêu cầu, quy định và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đơn vị đăng kiểm; có 02 lượt đăng kiểm viên bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP trong thời gian 12 tháng liên tục; phân công đăng kiểm viên kiểm định không phù hợp nội dung chứng chỉ đăng kiểm viên; thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới không đúng quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đưa ra các yêu cầu hoặc ban hành các thủ tục không có trong quy định do Bộ Giao thông Vận tải ban hành về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân; từ chối cung cấp dịch vụ kiểm định xe cơ giới trái quy định của pháp luật...

Nghị định cũng quy định đăng kiểm viên xe cơ giới phải đáp ứng điều kiện: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành đào tạo Kỹ thuật cơ khí, trong chương trình đào tạo đại học có các nội dung về lý thuyết, cấu tạo ô tô, kết cấu tính toán ô tô, bảo dưỡng kỹ

thuật ô tô...; có tối thiểu 12 tháng thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên theo nội dung do Bộ Giao thông Vận tải quy định...

Nghị định có hiệu lực từ ngày 08/6/2023.

2. ĐẾN NĂM 2030 VIỆT NAM SẼ CÓ 30 CẢNG HÀNG KHÔNG

Đây là một trong những nội dung đáng chú ý tại Quyết định số 648/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ ban hành vào ngày 07/6/2023.

Theo đó, mục tiêu đến 2030 sẽ phát triển hệ thống cảng hàng không theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu vận tải, hội nhập quốc tế sâu rộng; bảo vệ môi trường, tiết kiệm các nguồn tài nguyên; bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, cụ thể:

Về vận tải, tổng sản lượng hành khách thông qua các cảng hàng không khoảng 275,9 triệu hành khách (chiếm 1,5 – 2% thị phần vận tải giao thông và chiếm 3 – 4% tổng sản lượng vận tải hành khách liên tỉnh); tổng sản lượng hàng hóa thông qua các cảng hàng không khoảng 4,1 triệu tấn (chiếm 0,05% - 0,1% thị phần vận tải giao thông). Về kết cấu hạ tầng, ưu tiên tập trung đầu tư một số cảng hàng không lớn tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh; tiếp tục nâng tổng công suất thiết kế hệ thống cảng hàng không đáp ứng khoảng 294,5

triệu hành khách. Về quy hoạch, thời kỳ 2021 – 2030, hệ thống cảng hàng không được quy hoạch theo mô hình trục nan với 02 đầu mối chính tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh hình thành 30 cảng hàng không bao gồm 14 cảng hàng không quốc tế và 16 cảng hàng không quốc nội. Đến 2050, hình thành 33 cảng hàng không bao gồm 14 cảng hàng không quốc tế và 19 cảng hàng không quốc nội.

Bên cạnh việc xây các sân bay mới, Chính phủ cũng sẽ mở rộng các sân bay quốc tế quan trọng, đóng vai trò đầu mối như Long Thành, Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng, Cam Ranh, Phú Quốc; xây dựng mới hoặc mở rộng các cảng hàng không tại vùng sâu, vùng xa... các sân bay có hoạt động quân sự thường xuyên và các sân bay khác trong hệ thống đáp ứng nhu cầu khai thác, phát triển kinh tế - xã hội.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07/6/2023.

3. ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG KHU VỰC KINH TẾ HỢP TÁC XÃ

Ngày 03/6/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 19/CT-TTg về việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã nhằm chuyển đổi mô hình quản trị sản xuất, kinh doanh trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã một cách linh hoạt, phù hợp đạt hiệu quả cao, tiết giảm chi phí, tối ưu nguồn lực. Quá trình chuyển đổi này đòi hỏi sự tham gia, chung tay của cả hệ thống chính trị, các hợp tác xã, người dân và doanh nghiệp.

Theo đó, các tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã chủ động thực hiện

điều chỉnh phương thức hoạt động quản lý, sản xuất - kinh doanh, chuyển đổi số mạnh mẽ để tồn tại và phát triển; tăng cường năng lực quản trị hợp tác xã theo hướng công khai, minh bạch, chủ động, thích ứng với bối cảnh, xu hướng phát triển mới; tích cực học hỏi kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số thành công, hiệu quả.

Hệ thống Liên minh hợp tác xã tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống, thể hiện tốt vai trò là cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với khu vực kinh tế tập thể; bám sát tình hình, nắm rõ những khó khăn, nhu cầu của hợp tác xã để phản ánh đến các cấp có thẩm quyền. Thực hiện các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tư vấn phương án chuyển đổi số phù hợp cho các hợp tác xã; xây dựng và nhân rộng một số mô hình hợp tác xã chuyển đổi số hiệu quả; hướng dẫn thủ tục để giúp các hợp tác xã tăng khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng các mô hình chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị hàng hóa, dịch vụ trong các ngành, lĩnh vực.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai cơ chế chính sách, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tập thể phát triển tại địa phương. Chủ động thực hiện chuyển đổi số theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền; xây dựng và nhân rộng các mô hình hợp tác xã hoạt động hiệu quả, mô hình hợp tác xã thực hiện chuyển đổi số thành công, tiết giảm chi phí, tối ưu hóa nguồn lực; liên

kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị; ứng dụng công nghệ cao và thúc đẩy chuyển đổi số.

Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thành viên Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, Trưởng Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương; khẩn trương, quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số...

4. CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG ĐẢM BẢO HÀNG NĂM TỐI THIỂU TIẾT KIỆM 5% TỔNG ĐIỆN NĂNG TIÊU THỤ TRONG NĂM

Các bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp và các tổ chức đoàn thể - xã hội tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện cho đơn vị mình, đảm bảo hàng năm tối thiểu tiết kiệm 5,0% tổng điện năng tiêu thụ trong năm. Đây là nội dung được quy định tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 8/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2023-2025 và các năm tiếp theo.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu trong giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo, cả nước phải phấn đấu hàng năm tiết kiệm tối thiểu 2,0% tổng điện năng tiêu thụ; giảm tổn thất điện năng trên toàn hệ thống điện dưới 6% vào năm 2025. Phấn

đấu đến năm 2030 có 50% các tòa nhà công sở và 50% nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu (phục vụ tiêu thụ tại chỗ, không bán điện vào hệ thống điện quốc gia).

Đến hết năm 2025, phấn đấu 100% chiếu sáng đường phố sử dụng đèn LED.

Các bộ, ngành, địa phương Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện hiệu quả nội quy về tiết kiệm điện, các quy định về sử dụng, bảo dưỡng và sửa chữa các trang thiết bị tiêu thụ điện tại cơ quan, đơn vị. Phổ biến, quán triệt việc thực hiện tiết kiệm điện tới toàn thể người lao động, đưa nội dung tiết kiệm điện vào chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, chấp hành kỷ luật nội bộ và thi đua khen thưởng hằng năm. Người đứng đầu tại cơ quan, công sở chịu trách nhiệm đối với những trường hợp vi phạm các quy định về tiết kiệm điện tại đơn vị mình.

Các tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống chiếu sáng cho mục đích quảng cáo, trang trí ngoài trời chủ trì, phối hợp với cơ sở cung cấp điện xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch tiết kiệm điện, theo đó, phải đảm bảo tối thiểu tiết kiệm 30% tổng điện năng tiêu thụ trong giai đoạn 2023 - 2025 cho các hoạt động chiếu sáng trên. Đây nhanh quá trình thực hiện tự động hóa chiếu sáng theo khung thời gian và điều kiện thời tiết của các công trình chiếu sáng công cộng. Các nhà hàng, khách sạn, cơ sở dịch vụ thương mại, tổ hợp văn phòng và tòa nhà chung cư tắt hoặc giảm tối thiểu 50% công suất chiếu

sáng quảng cáo trang trí ngoài trời vào cao điểm buổi tối của hệ thống điện theo yêu cầu của công ty điện lực tại địa phương; tuân thủ các quy định về chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả, sẵn sàng cắt, giảm nhu cầu sử dụng điện khi có thông báo của công ty điện lực tại địa phương trong trường hợp xảy ra thiếu điện; phối hợp với công ty điện lực tại địa phương thực hiện các chương trình tuyên truyền, hình thức tuyên truyền phù hợp về sử dụng tiết kiệm điện trong cao điểm hè, các chương trình, cuộc thi, phát động về tiết kiệm điện tại khu đô thị, khu nhà chung cư, các trung tâm thương mại. Các hộ gia đình Thường xuyên thực hiện hành vi sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả tại gia đình như: tắt các thiết bị điện khi ra khỏi phòng, cắt hẳn nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị điện; chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết và sử dụng ở chế độ, mức nhiệt độ phù hợp (chế độ làm lạnh từ 26 độ C trở lên); ưu tiên mua sắm các phương tiện, thiết bị điện hiệu suất cao hoặc thiết bị điện có dán nhãn năng lượng đạt mức hiệu suất cao; hạn chế tối đa việc sử dụng bóng đèn sợi đốt; khuyến khích lắp đặt và sử dụng hệ thống điện mặt trời trên mái nhà tự dùng cho nhu cầu sử dụng tại chỗ, hệ thống đun nước nóng từ năng lượng mặt trời....

5. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ YÊU CẦU THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CUNG ỨNG ĐIỆN MÙA KHÔ NĂM 2023

Ngày 06/6/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 517/CD-TTg về việc thực hiện các giải pháp bảo đảm cung ứng điện mùa khô

năm 2023 và thời gian tới. Trước tình hình khó khăn về cung ứng điện hiện nay, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Bộ Công Thương rà soát, đánh giá kỹ về tình hình cung ứng điện hiện nay, nhất là các yếu tố phát sinh ảnh hưởng đến việc bảo đảm cung ứng điện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, khẩn trương hướng dẫn EVN xây dựng các kịch bản chủ động kịp thời ứng phó với những khó khăn về cung ứng điện và tổ chức thực hiện theo quy định. Hoàn thành việc này trước ngày 10/6/2023. Nghiên cứu, hướng dẫn xử lý dứt điểm theo thẩm quyền đối với các dự án điện gió, điện mặt trời đã thực hiện đầu tư xây dựng nhưng không đáp ứng thời hạn áp dụng cơ chế giá FIT (đã hết hạn); khẩn trương hướng dẫn về công tác đàm phán giá điện trên tinh thần "lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ" đối với các dự án điện gió, điện mặt trời thuộc diện nêu trên theo quy định, hoàn thành trong tháng 6/2023.

Tập đoàn Điện lực Việt Nam tập trung huy động hiệu quả mọi nguồn lực, nỗ lực cao nhất trong chỉ đạo điều hành thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp bảo đảm cung ứng điện; tổ chức thực hiện nghiêm theo quy định và theo các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Công Thương về vấn đề này. Chủ động xây dựng các kịch bản linh hoạt ứng phó với những khó khăn về cung ứng điện và theo hướng dẫn của Bộ Công Thương; đồng thời, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện theo quy định. Khẩn trương chỉ đạo và trực tiếp tháo gỡ khắc phục

sự cố các nhà máy điện, nhất là các nhà máy điện tại miền Bắc để đưa vào vận hành trong thời gian sớm nhất. Tập trung cao độ thực hiện hiệu quả các giải pháp về tăng cường tiết kiệm điện, đặc biệt trong tháng 6/2023.

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam cung cấp đủ than, khí cho các nhà máy điện theo đề nghị của EVN; phối hợp chặt chẽ với EVN trong thực hiện các giải pháp bảo đảm

cung ứng điện trong thời gian tới; khẩn trương chỉ đạo khắc phục ngay sự cố các nhà máy điện thuộc thẩm quyền, sớm đưa vào vận hành trong tháng 6 năm 2023.

Giao Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ đạo thành lập đoàn thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật về quản lý và cung ứng điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 01/01/2021 đến ngày 01/6/2023.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. 03 TRƯỜNG HỢP THU HỒI XÁC NHẬN KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ BÁN HÀNG ĐA CẤP

Ngày 05/6/2023, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 12/2023/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2018/TT-BCT ngày 24/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Theo đó, 03 trường hợp Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia thu hồi xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương như sau: Phát hiện hồ sơ đăng ký kiểm tra của người được cấp xác nhận có thông tin gian dối; doanh nghiệp bán hàng đa cấp chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp; người được cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng đào tạo, người được cấp xác nhận

kiến thức cho đầu mối tại địa phương chấm dứt vai trò đầu mối tại địa phương với doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

Doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan đã tổ chức kỳ kiểm tra trong 02 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt quan hệ đầu mối tại địa phương hoặc hợp đồng đào tạo với người được cấp xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương.

Việc kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp và kiểm tra kiến thức cho đầu mối tại địa phương có thể được tổ chức tại cùng một đợt hoặc tại các đợt khác nhau.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 21/7/2023.

7. PHÍ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA TỐI ĐA 60.000 ĐỒNG/BỘ

Ngày 06/6/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 36/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp,

quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O).

Theo đó, mức thu phí: 30.000 - 60.000 đồng/bộ C/O. Cụ thể: Trường hợp cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 60.000 đồng/bộ C/O; trường hợp cấp lại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 30.000 đồng/bộ C/O

Người nộp phí thực hiện nộp phí khi nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho tổ chức thu phí. Phí nộp theo hình thức quy định tại Thông tư số 74/2022/TT-BTC.

Tổ chức thu phí thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí được trích để lại 83% số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ cung cấp dịch vụ, thu phí, và chi trả chi phí cho tổ chức được ủy quyền cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, thu phí; nộp 17% số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 21/7/2023.

8. TĂNG PHÍ THI SÁT HẠCH LÁI XE Ô TÔ, XE MÁY TỪ NGÀY 01/8/2023

Ngày 07/6/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 37/2023/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái

xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. Cụ thể, tăng phí sát hạch lái xe như sau:

Đối với thi sát hạch lái xe các hạng xe A1, A2, A3, A4: Sát hạch lý thuyết 60.000 đồng/lần; sát hạch thực hành 70.000 đồng/lần.

Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): Sát hạch lý thuyết: 100.000 đồng/lần; sát hạch thực hành trong hình 350.000 đồng/lần; sát hạch thực hành trên đường giao thông: 80.000 đồng/lần; sát hạch lái xe ô tô bằng phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông: 100.000 đồng/lần.

Mức thu phí sát hạch lái xe được áp dụng thống nhất trên cả nước (không phân biệt cơ quan thuộc Trung ương quản lý hay cơ quan thuộc địa phương quản lý).

Người dự sát hạch để được cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ phần nào thì nộp phí sát hạch lái xe phần đó (tính theo lần sát hạch: sát hạch lần đầu, sát hạch lại).

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/8/2023.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

QUY ĐỊNH VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI TẠI NẠN LAO ĐỘNG THEO HÌNH THỨC TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đang lấy ý kiến các bộ, cơ quan

vào dự thảo Nghị định quy định về bảo hiểm xã hội tại nạn lao động theo hình thức tự nguyện đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động (gọi tắt là bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện).

Theo đó, đối tượng áp dụng là người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên tham gia bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện (sau đây gọi tắt là người lao động) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện.

Các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện gồm: Giám định mức suy giảm khả năng lao động. Trợ cấp một lần, trợ cấp hàng tháng, trợ cấp phục vụ. Hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình. Cụ thể:

Người lao động được xem xét hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện khi có đủ các điều kiện sau đây: Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do tai nạn lao động xảy ra trong thời gian tham gia bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện. Người lao động không được hưởng các chế độ nêu trên nếu tai nạn xảy ra do một trong các nguyên nhân sau: Mâu thuẫn của chính nạn nhân với người gây ra tai nạn mà không liên quan đến công việc, nhiệm vụ lao động; Người lao động cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân; Sử dụng ma túy, chất gây nghiện khác trái với quy định của pháp luật. Người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% do tai nạn lao động thì được hưởng trợ cấp một lần với mức như sau: Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng năm lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở; ngoài mức trợ cấp nêu trên, còn được hưởng thêm

khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện, cứ thêm mỗi năm đóng kể từ năm đóng thứ 2 trở đi được tính thêm 0,3 mức lương cơ sở.

Trường hợp thân nhân người lao động bị chết do tai nạn lao động được hưởng trợ cấp một lần bằng ba mươi sáu lần mức lương cơ sở nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: Người lao động đang làm việc bị chết do tai nạn lao động; người lao động bị chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn lao động; người lao động bị chết trong thời gian điều trị thương tật do tai nạn lao động mà chưa được giám định mức suy giảm khả năng lao động; người lao động bị suy giảm khả năng lao động trên 31% bị chết trong quá trình điều trị do thương tật tái phát mà số tháng người lao động đó được hưởng trợ cấp chưa đủ 36 tháng.

Về mức trợ cấp hàng tháng, dự thảo quy định người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 31% trở lên do tai nạn lao động thì được hưởng trợ cấp hàng tháng như sau: Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở; ngoài mức trợ cấp này, hàng tháng còn được hưởng thêm một khoản trợ cấp tính theo số năm đã đóng bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện, từ một năm trở xuống được tính bằng 0,5% mức lương cơ sở, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng vào quỹ được tính thêm 0,3% mức lương cơ sở.

Về trợ cấp phục vụ: trường hợp người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên do bị tai nạn lao động mà bị liệt cột sống hoặc mù hai mắt hoặc cụt, liệt hai chi hoặc bị

bệnh tâm thần thì ngoài mức hưởng quy định tại Điều 7 Nghị định này, hằng tháng còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng mức lương cơ sở...

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Đối tượng tinh giản biên chế chuyển sang làm việc tại tổ chức không hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước được hưởng những khoản trợ cấp nào?*

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 6 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định đối tượng tinh giản biên chế chuyển sang làm việc tại các tổ chức không hưởng kinh phí thường xuyên từ ngân sách nhà nước được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng;
- Được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

2. Hỏi: *Thời điểm và thời gian để tính hưởng trợ cấp tinh giản biên chế?*

Trả lời: Theo Điều 10 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định thời điểm được dùng làm căn cứ để tính đủ tuổi đời hưởng chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi là ngày 01 tháng sau liền kề với tháng sinh của đối tượng; trường hợp trong hồ sơ của đối tượng không xác định ngày, tháng sinh trong năm thì lấy ngày 01

tháng 01 của năm sinh của đối tượng. Thời gian để tính trợ cấp quy định là tổng thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (theo số bảo hiểm xã hội của mỗi người) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Nếu tổng thời gian tính trợ cấp có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm và được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm. Thời gian để tính trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi quy định nếu có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: từ 01 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm và được hưởng trợ cấp bằng mức trợ cấp của 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

3. Hỏi: *Các đối tượng chưa thực hiện tinh giản biên chế?*

Trả lời: Theo Điều 4 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định đối tượng chưa thực hiện tinh giản biên chế bao gồm:

- Những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ

trường hợp cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế.

- Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.

4. Hỏi: Viên chức trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách tinh giản biên chế trong các trường hợp nào?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 03/6/2023 quy định cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức cấp xã và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính được áp dụng chế độ, chính sách như công chức theo quy định của Chính phủ, nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc dôi dư do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện cơ chế tự chủ;

- Dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

- Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác hoặc bố trí được việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang

đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức, viên chức có 01 năm xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp; trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật; trong năm trước liền kề hoặc trong năm thực hiện xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành của pháp luật, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan,

tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý thôi giữ chức vụ, chức danh do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý;

- Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian bị kỷ luật nhưng chưa đến mức bị bãi nhiệm hoặc bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý./.